

Phần 17. BỆNH ĐƯỜNG RUỘT

383. **Bệnh đường ruột:** *Túc tấp lý, Tam âm giao.*
384. **Bệnh đường ruột:** *Khúc trì, Túc tấp lý.*
385. **Bệnh đường ruột, có thể làm tăng giảm nhu động ruột:** *Thủ tấp lý, Túc tấp lý.*
386. **Rối loạn tiêu hóa:** *Duy bào, Thiên khu, Túc tấp lý.*
387. **Nôn mửa, quặn bụng nôn nao (hoắc loạn):** *Thiên khu, Chi câu.*
388. **Viêm đường ruột cấp tính:** *Thần khuyệt, Thiên khu, Thượng quản, Nội quan, Túc tấp lý.*
389. **Viêm đường ruột mạn tính:** *Công tôn, Nội quan, Tê biên tứ huyết.*
390. **Viêm đường ruột mạn tính: Cứu các huyết:** *Thần khuyệt, Thiên khu, Đại trường du.*
391. **Viêm ruột mạn tính:** *Chương môn, Tỳ du, Thiên khu, Túc tấp lý.*
392. **Viêm ruột mạn tính:** *Quan nguyên, Tỳ du, Thận du.*
393. **Viêm ruột mạn tính:** *Thương khâu, Thiên khu, Âm lăng tuyền.*
394. **Viêm ruột thừa:** *Lệ đoài, Lan vĩ, Thiên khu.*
395. **Viêm ruột thừa đơn thuần:** *Lan vĩ, A thị huyết ở bên phải bụng dưới và Túc tấp lý.*
396. **Tắc ruột cấp tính:** *Trung quản, Thiên khu, Nội quan, Khí hải.*
397. **Tắc ruột cấp tính:** *Túc tấp lý, Nội quan, Hợp cốc, Trung quản, Thiên khu, Đại trường du, Thứ liêu.*
398. **Tắc ruột do ruột tê bại, liệt nhu động:** *Khí hải, Chì câu, Túc tấp lý, Đại trường du.*
399. **Liệt ruột:** *Thiên khu, Khí hải, Đại trường du, Thương liêu.*